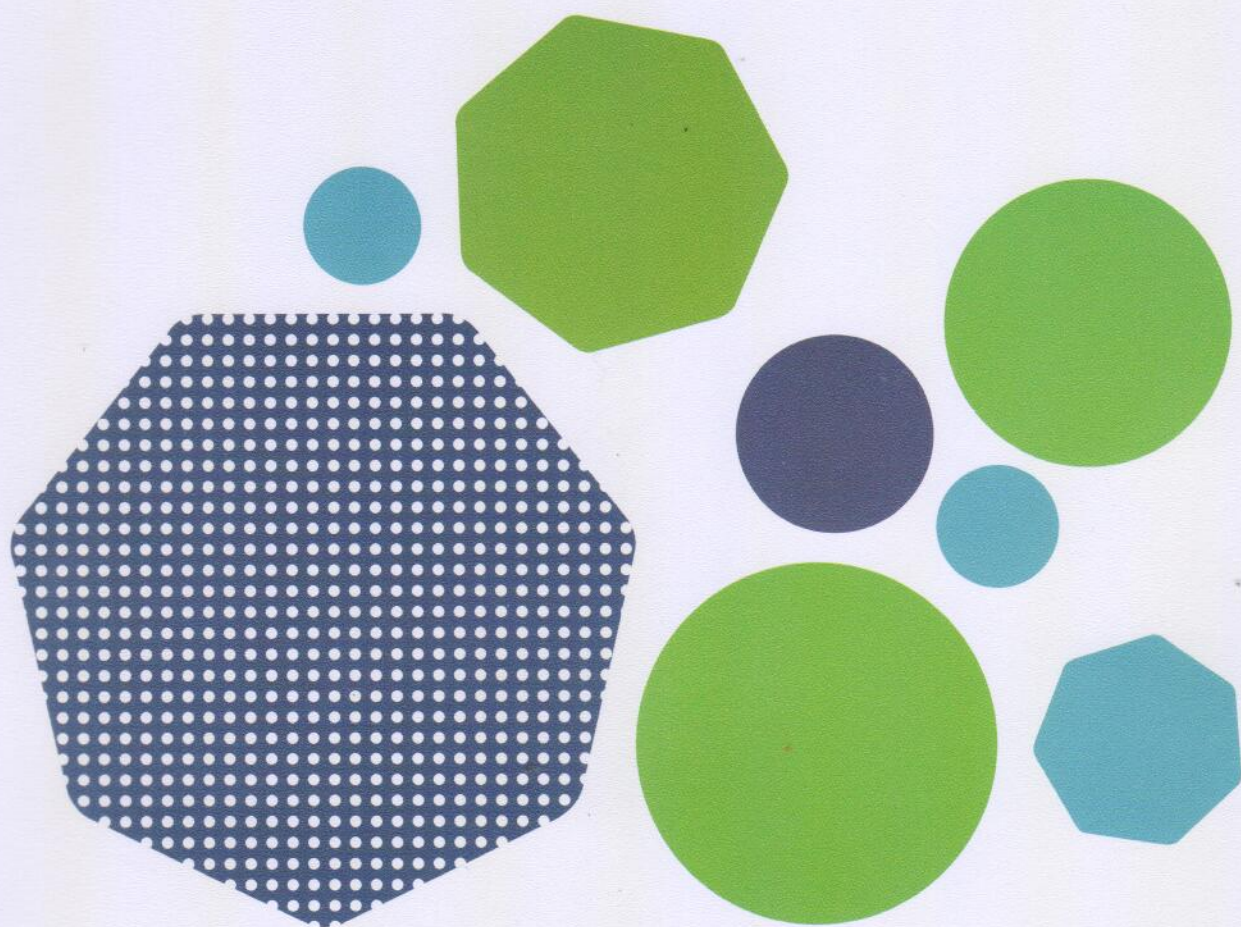


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Chủ tịch	
Ông Lê Đức Minh	Thành viên	
Ông Trần Đình Sơn	Thành viên	
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Thân	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 18/04/2019
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 18/04/2019

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2019

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban
Ông Võ Văn Nam	Thành viên

Phụ trách Kế toán

Bà Nguyễn Thị Vi Minh	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2018/TT-BTC ngày 22/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2018/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Đức Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020

Số: 51/2020/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/02/2020, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2020

Lê Quang Nghĩa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3660-2017-112-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.264.123.058	27.642.348.195
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.707.230.776	9.002.103.905
Tiền	111		1.707.230.776	4.002.103.905
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	20.500.000.000	11.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.500.000.000	11.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.041.592.777	2.041.828.343
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	5.880.474.621	6.010.561.160
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	276.917.165	555.292.045
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	566.001.216	839.299.086
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.681.800.225)	(5.363.323.948)
Hàng tồn kho	140	10	4.924.367.345	5.507.483.787
Hàng tồn kho	141		7.767.028.174	7.443.834.443
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.842.660.829)	(1.936.350.656)
Tài sản ngắn hạn khác	150		90.932.160	90.932.160
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	90.932.160	90.932.160
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.663.414.928	33.936.946.228
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.500.000	5.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	5.500.000	5.500.000
Tài sản cố định	220		2.562.166.294	3.247.132.764
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.360.055.635	2.799.452.975
- Nguyên giá	222		11.803.838.547	11.803.838.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.443.782.912)	(9.004.385.572)
Tài sản cố định vô hình	227	13	202.110.659	447.679.789
- Nguyên giá	228		840.456.001	840.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(638.345.342)	(392.776.212)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.274.679.601	7.509.489.913
- Nguyên giá	231		19.031.531.639	19.031.531.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.756.852.038)	(11.522.041.726)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	30.146.333.037	17.238.342.397
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.178.000.000	1.178.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		29.621.270.000	29.621.270.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(652.936.963)	(13.560.927.603)
Tài sản dài hạn khác	260		1.674.735.996	5.936.481.154
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	205.698.451	493.453.854
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.469.037.545	5.443.027.300
TỔNG TÀI SẢN	270		75.927.537.986	61.579.294.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.591.415.933	9.636.545.825
Nợ ngắn hạn	310		1.706.399.137	2.750.735.029
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.000.000	13.962.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		180.122.101	216.451.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	451.397.694	411.122.252
Phải trả người lao động	314		1.723.900	519.897.700
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	294.042.337	367.292.337
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	545.214.446	821.710.940
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	326.400.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		223.898.659	73.898.659
Nợ dài hạn	330		6.885.016.796	6.885.810.796
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	3.497.356.796	3.497.356.796
Phải trả dài hạn khác	337	17	3.387.660.000	3.388.454.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.336.122.053	51.942.748.598
Vốn chủ sở hữu	410	18	67.336.122.053	51.942.748.598
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.117.461.832	12.117.461.832
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		52.195.500	52.195.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.833.535.279)	(20.226.908.734)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.518.698.734)	(23.130.314.857)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.685.163.455	2.903.406.123
TỔNG NGUỒN VỐN	440		75.927.537.986	61.579.294.423

hml

[Signature]



Lâm Thị Hồng Loan
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020


Nguyễn Thị Vi Minh
Kế toán trưởng


Lê Đức Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết		Năm 2019	Năm 2018
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	19.647.098.064	19.660.110.961
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	154.585.518
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.647.098.064	19.505.525.443
Giá vốn hàng bán	11	22	6.172.916.729	9.875.756.443
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.474.181.335	9.629.769.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.060.321.457	852.735.332
Chi phí tài chính	22	24	(12.907.809.740)	425.137.603
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	25	1.257.278.933	2.142.717.335
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	6.506.196.099	4.590.377.034
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.678.837.500	3.324.272.360
Thu nhập khác	31	26	311.337	370.484.978
Chi phí khác	32	27	1.785.627	13.620.852
Lợi nhuận khác	40		(1.474.290)	356.864.126
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.677.363.210	3.681.136.486
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	3.973.989.755	777.730.363
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.703.373.455	2.903.406.123
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.617	432
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	2.617	432


Lâm Thị Hồng Loan
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Thị Vi Minh
Kế toán trưởng



Lê Đức Minh
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		21.425.520.800	21.795.661.570
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(5.558.092.640)	(6.888.197.868)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(5.655.873.153)	(4.770.061.416)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		327.040.000	482.247.787
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(4.597.552.803)	(1.873.671.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.941.042.204	8.745.978.428
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.110.530.700)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	393.900.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.500.000.000)	(25.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.000.000.000	17.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.265.025.567	664.014.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.234.974.433)	(8.052.616.503)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(760.000)	(13.840.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(760.000)	(13.840.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.294.692.229)	679.521.925
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	9.002.103.905	8.320.364.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(180.900)	2.217.025
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	6.707.230.776	9.002.103.905


Lâm Thị Hồng Loan
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020


Nguyễn Thị Vi Minh
Kế toán trưởng


Lê Đức Minh
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21 tháng 10 năm 2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh & đăng ký thuế số 3600254548 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài Kinh tế TP.HCM cấp ngày 31/5/1993.

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa có trụ sở chính đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM. Và các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận I, Tp. HCM.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 10 năm 2018 là 60.000.000.000 VND; tương đương 6.000.000 cổ phần.

Số lượng nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2019 là 41 cán bộ công nhân viên đang làm việc (số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 44 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký của công ty bao gồm:

- Sản xuất, bảo hành, kinh doanh sản phẩm điện, điện tử và tin học;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho hàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành, trò chơi giải trí, trang trí;
- Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán lẻ thiết bị bưu chính viễn thông...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2018.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Đầu tư Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 HÀNG TỒN KHO

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho dựa theo nguyên tắc giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá xuất hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong kỳ được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan.

Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính của Công ty được trình bày tại các thuyết minh kèm theo.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	177.653.177	111.343.950
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.529.577.599	3.890.759.955
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	5.000.000.000
	6.707.230.776	9.002.103.905
Chi tiết số nguyên tệ ngoại tệ		
	31/12/2019	01/01/2019
	USD	USD
Tiền mặt	2.965	2.965
Tiền gửi ngân hàng	50	50
	3.015	3.015

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	276.917.165	555.292.045
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	232.364.880
- Các khoản phải thu khách hàng khác	67.500.000	113.510.000
	276.917.165	555.292.045
Trả trước cho người bán là bên liên quan	209.417.165	441.782.045
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	232.364.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	205.698.451	493.453.854
- Chi phí dự án CCTV	163.114.484	380.600.396
- Các khoản khác	42.583.967	112.853.458
	<u>205.698.451</u>	<u>493.453.854</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

7.1. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn hơn 3 tháng và không quá 1 năm tại Ngân hàng Sacombank - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

7.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	1.178.000.000	525.063.037	(652.936.963)	525.063.037
<i>Công ty Cổ phần Belco Hà Nội</i>	<i>1.178.000.000</i>	<i>525.063.037</i>	<i>(652.936.963)</i>	<i>525.063.037</i>
<i>- Công ty liên kết (1)</i>				<i>(652.936.963)</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.621.270.000	29.621.270.000	-	16.713.279.360
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương (2)</i>	<i>29.621.270.000</i>	<i>29.621.270.000</i>	<i>-</i>	<i>16.713.279.360</i>
	30.799.270.000	30.146.333.037	(652.936.963)	17.238.342.397

(1) Công ty hiện sở hữu 117.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Belco Hà Nội, chiếm tỷ lệ 38%.

(2) Công ty hiện sở hữu 1.498.680 cổ phần của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương, Công ty đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư dựa trên Báo cáo hợp nhất chưa được kiểm toán của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương kết thúc ngày 31/12/2019. Theo Nghị Quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 22/03/2018 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định bán toàn bộ cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương. Tại ngày 10/01/2020, Công ty đã chào bán thành công 100% số cổ phần của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương với giá đặt mua thấp nhất là 20.204 đồng/cổ phần, giá đặt mua cao nhất là 20.215 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.880.474.621	(4.681.800.225)	6.010.561.160	(5.363.323.948)
- Công ty CP Dịch vụ Bru chính Viễn thông Sài Gòn	3.619.190.948	(3.619.190.948)	4.119.190.948	(4.119.190.948)
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạc Việt	747.000.000	(747.000.000)	747.000.000	(747.000.000)
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	1.514.283.673	(315.609.277)	1.144.370.212	(497.133.000)
	5.880.474.621	(4.681.800.225)	6.010.561.160	(5.363.323.948)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	566.001.216	-	839.299.086	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngân hàng	189.000.000	-	231.700.000	-
- Phải thu người lao động	-	-	12.000.000	-
- Hàng gửi trung bày	6.695.036	-	6.695.036	-
- Các khoản chi hộ	370.000.000	-	370.000.000	-
- Phải thu khác	306.180	-	186.810.290	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	25.574.715	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	4.513.185	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	2.005.860	-
Dài hạn	5.500.000	-	5.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ	5.500.000	-	5.500.000	-
	571.501.216	-	844.799.086	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	726.749.895	(109.012.484)	723.757.587	-
Công cụ, dụng cụ	110.930.588	-	111.455.106	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	180.571.024	-	329.821.438	-
Thành phẩm	6.059.901.032	(2.337.648.380)	5.584.810.511	(1.591.166.871)
Hàng hóa	688.875.635	(395.999.965)	693.989.801	(345.183.785)
	7.767.028.174	(2.842.660.829)	7.443.834.443	(1.936.350.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
31/12/2019	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(5.626.669.218)	(2.024.561.544)	(1.313.063.901)	(40.090.909)	(9.004.385.572)
- Khấu hao trong năm	(35.159.808)	(193.714.380)	(210.523.152)	-	(439.397.340)
31/12/2019	(5.661.829.026)	(2.218.275.924)	(1.523.587.053)	(40.090.909)	(9.443.782.912)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	64.459.662	1.109.701.939	1.625.291.374	-	2.799.452.975
31/12/2019	29.299.854	915.987.559	1.414.768.222	-	2.360.055.635

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 7.730.720.420 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	19.031.531.639	-	-	19.031.531.639
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(11.522.041.726)	(234.810.312)	-	(11.756.852.038)
- Quyền sử dụng đất	(1.757.664.836)	(58.817.988)	-	(1.816.482.824)
- Nhà	(7.700.417.971)	(175.992.324)	-	(7.876.410.295)
- Cơ sở hạ tầng	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	7.509.489.913	-	-	7.274.679.601
- Quyền sử dụng đất	2.053.728.064	-	-	1.994.910.076
- Nhà	5.455.761.849	-	-	5.279.769.525
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá Bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 2.364.817.110 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2019	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
31/12/2019	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2019	(13.375.619)	(340.202.089)	(39.198.504)	(392.776.212)
- Khấu hao trong năm	(1.275.120)	(87.499.992)	(156.794.018)	(245.569.130)
31/12/2019	(14.650.739)	(427.702.081)	(195.992.522)	(638.345.342)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2019	50.260.745	240.625.026	156.794.018	447.679.789
31/12/2019	48.985.625	153.125.034	-	202.110.659

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 251.819.637 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	10.000.000	10.000.000	13.962.000	13.962.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp Đám Mây Việt	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
- Nguyễn Phước Hoàng	-	-	3.962.000	3.962.000
Dài hạn	-	-	-	-
	10.000.000	10.000.000	13.962.000	13.962.000



15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	382.908.252	1.632.686.080	1.649.136.638	366.457.694
- Thuế thu nhập cá nhân	28.214.000	190.370.247	133.644.247	84.940.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	794.722.584	794.722.584	-
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	411.122.252	2.624.778.911	2.584.503.469	451.397.694
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.932.160	-	-	90.932.160
	90.932.160	-	-	90.932.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	294.042.337	367.292.337
- Trích trước chi phí khuyến mại tổ chức du lịch Hồng Kông - Thâm Quyển - Quảng Châu theo giấy phép số 018/2017KD ngày 23/03/2017	294.042.337	367.292.337
Dài hạn	3.497.356.796	3.497.356.796
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
	3.791.399.133	3.864.649.133

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	545.214.446	821.710.940
- Phải trả về cổ phần hóa	19.248.946	328.300.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	525.965.500	493.410.940
Dài hạn	3.387.660.000	3.388.454.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.387.660.000	3.388.454.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Thời trang Hải</i>	<i>330.000.000</i>	<i>330.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Quyết Thành</i>	<i>75.000.000</i>	<i>75.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Lục Thành</i>	<i>55.440.000</i>	<i>121.440.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hàng hóa Mê Kông</i>	<i>88.266.000</i>	<i>3.060.000</i>
<i>Công ty TNHH Hoàng Phúc Quốc Tế</i>	<i>1.654.554.000</i>	<i>1.654.554.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Quốc tế Hạnh Phúc</i>	<i>1.184.400.000</i>	<i>1.184.400.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Điện tử Minh Linh</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000</i>
	3.932.874.446	4.210.164.940

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	49.039.342.475						
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.903.406.123						
31/12/2018	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	51.942.748.598						
01/01/2019	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	51.942.748.598						
- Lãi trong năm nay	-	-	-	15.703.373.455						
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(310.000.000)						
31/12/2019	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	67.336.122.053						

(*) Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-DHDCD ngày 18/04/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Vốn góp của Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam (51%)	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác (49%)	29.400.000.000	29.400.000.000
	60.000.000.000	60.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	310.000.000	-

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
+ USD	3.015,00	3.015,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Thu Ngân	97.880.000	97.880.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Phón	88.045.000	88.045.000
Công ty TNHH MTV TM KT Nhật Hào Huy	10.634.999	10.634.999
	196.559.999	196.559.999

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	676.686.409	1.667.212.395
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.970.411.655	17.992.898.566
	19.647.098.064	19.660.110.961
Doanh thu với các bên liên quan	186.027.760	29.700.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	179.388.000	29.700.000
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.639.760	-

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	154.585.518
	-	154.585.518

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	595.333.317	1.455.249.318
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.110.273.552	1.885.411.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	983.717.027	-
Chi phí tiền truy thu thuê đất tại Nhà máy Khu Công nghiệp Biên Hòa	-	3.497.356.796
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	2.483.592.833	3.037.738.491
	6.172.916.729	9.875.756.443

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.060.321.457	850.518.307
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.217.025
	1.060.321.457	852.735.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(12.907.809.740)	425.137.603
	(12.907.809.740)	425.137.603

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.506.196.099	4.590.377.034
Chi phí nhân công	3.655.969.010	2.331.060.150
Chi phí công cụ dụng cụ	56.873.312	824.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.698.004	26.630.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	462.552.501	657.514.465
Chi phí dự phòng	(681.523.723)	605.168.088
Thuế, phí, lệ phí	10.000.000	2.016.000
Chi phí bằng tiền khác	2.899.626.995	967.162.945
Các khoản chi phí bán hàng	1.257.278.933	2.142.717.335
Chi phí dự phòng bảo hành	(126.300.909)	126.499.091
Chi phí nhân công	1.001.818.070	1.269.340.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.849.919	87.979.397
Chi phí hỗ trợ bán hàng	37.499.400	53.916.544
Chi phí công cụ dụng cụ	-	2.892.000
Chi phí bán hàng khác	280.412.453	602.089.433
	7.763.475.032	6.733.094.369

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	300.000	364.790.909
Các khoản khác	11.337	5.694.069
	311.337	370.484.978

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	7.200.000
Các khoản bị phạt	1.785.562	4.715.331
Các khoản chi phí khác	65	1.705.521
	1.785.627	13.620.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.022.941.816	1.710.323.089
Chi phí nhân công	6.699.879.600	5.318.204.320
Khấu hao tài sản cố định	727.822.956	704.650.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.025.549.562	-
Chi phí bằng tiền khác	4.384.849.847	6.411.505.391
Chi phí dự phòng	(807.824.632)	4.281.848.088
	13.053.219.149	18.426.531.357

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.677.363.210	3.681.136.486
Các khoản chi phí không được trừ	192.585.562	207.515.331
Các khoản chi phạt	1.785.562	4.715.331
Thù lao HĐQT	190.800.000	202.800.000
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Chuyển lỗ các năm trước	(19.869.948.772)	(3.888.651.817)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất	20%	20%
	-	-

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2014	22.895.155.917	22.895.155.917
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2015	6.569.804.994	6.569.804.994
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2016	1.691.462.277	1.691.462.277
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2017	(52.634.874)	(52.634.874)
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2018	(3.888.651.817)	(3.888.651.817)
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2019	(19.869.948.772)	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ lũy kế	7.345.187.725	27.215.136.497
Thuế suất thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.469.037.545	5.443.027.300
Thuế TNDN hoãn lại	(3.973.989.755)	(777.730.363)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.703.373.455	2.903.406.123
Quỹ khen thưởng phúc lợi phân bổ (*)	-	310.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.617	432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 thay đổi so với Báo cáo tài chính năm 2018 là do Công ty đã trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019.

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc


	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	39.000.000
Ông Lê Đức Minh	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	371.675.000	374.300.000
Ông Phạm Hoàng Thân	Thành viên HĐQT	161.592.000	239.518.000
Ông Trần Đình Sơn	Thành viên HĐQT	30.000.000	33.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT	20.000.000	-
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên HĐQT	30.000.000	33.000.000
		649.267.000	718.818.000


33.2 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG


Theo thông báo 732 của Tổng Công ty Sonadezi ngày 27/09/2017 về việc nộp tiền thuê đất bổ sung từ năm 2006 đến năm 2017 với tổng số tiền 3.497.356.796 đồng. Tuy nhiên, cho tới thời điểm kiểm toán, Tổng Công ty Sonadezi chưa xuất hóa đơn phần nộp bổ sung này, Công ty và Tổng Công ty Sonadezi đang đàm phán lại mức nộp. Do đó, Công ty đang tạm trích 3.497.356.796 đồng vào chi phí năm 2018.

33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.


Lâm Thị Hồng Loan
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020


Nguyễn Thị Vi Minh
Kế toán trưởng


Lê Đức Minh
Tổng Giám đốc



